

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – THÁNG 3/2020

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát :

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

- Tên viết tắt : VINATRANS

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0300648264

Ngày cấp : 16/03/2010 (đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 22/04/2015)

Nơi cấp : Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM

- Vốn điều lệ : 255.000.000.000 VNĐ

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 255.000.000.000 VNĐ

- *Trụ sở chính :*

Địa chỉ : 406 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. HCM, Việt Nam

Số điện thoại : 84-8-39414919

Số fax : 84-8-39404770

- Chi nhánh và văn phòng đại diện

Chi nhánh Vinatrans Hà Nội

Địa chỉ : 501 tầng 5, tòa nhà Giảng Võ Lake View, D10 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Vinatrans Hải Phòng

Phòng 9-10, tầng 3, tòa nhà Thành Đạt, số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng, Việt Nam

Chi nhánh Vinatrans Quảng Ninh

Số 1, đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, TP Hạ long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chi nhánh Vinatrans Cần Thơ

95-97-99 Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, Việt Nam

Chi nhánh Dung Quất – Quảng Ngãi

Thôn Đông Lỗ, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Văn phòng đại diện tại Vũng Tàu

- Website : www.vinatrans.com

- Mã cổ phiếu : VIN

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (VINATRANS) nguyên trước đây là Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương miền Nam Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 411 BKTTC/QĐTC vào ngày 14/7/1975 bởi Bộ Kinh tế Tài chính Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, có trụ sở chính đặt tại 406 Trịnh Minh Thế (nay là Nguyễn Tất Thành) quận 4, TP.HCM.
- Ngày 24/6/1976, cùng với sự thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, Bộ Ngoại thương đã ra Quyết định chuyển Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương miền Nam Việt Nam thành Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh và thành lập Tổng Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam, trong đó Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh là thành viên.
- Ngày 18/01/1995, Bộ Thương mại đã ban hành Quyết định số 51/QĐ-TCCB tách Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh thành doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ và trực thuộc Bộ Thương mại.
- Năm 1996, Công ty đã hoàn thành xong thủ tục đăng ký thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 388/NĐ-CP của Chính phủ và được xếp hạng Doanh nghiệp hạng 1 theo Quyết định của Bộ Thương mại.
- Ngày 08/06/1996, Công ty đã thành lập chi nhánh tại Hà Nội
- Ngày 05/09/1996, Công ty thành lập chi nhánh tại Đà Nẵng
- Ngày 01/10/1998, để phù hợp với hệ thống tổ chức và phạm vi kinh doanh đã được mở rộng trong phạm vi cả nước, được sự đồng ý của Bộ Thương mại, Công ty đã sử dụng tên thương mại chính thức là VINATRANS.
- Ngày 25/12/1998, Công ty thành lập Chi nhánh tại Hải Phòng
- Năm 1999, thực hiện chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước của Chính phủ, Công ty đã chuyển Xí nghiệp Đại lý vận tải và Gom hàng thành Công ty cổ phần VINALINK.
- Năm 2002, Công ty tiếp tục cổ phần hoá Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận thành Công ty cổ phần VINA FREIGHT; cổ phần hoá chi nhánh Đà Nẵng thành Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải miền Trung. Cuối năm 2002, Công ty thành lập VPĐD tại Cần Thơ
- Năm 2003, Công ty tiếp tục cổ phần hoá Chi nhánh Hà Nội thành Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương.
- Năm 2004, Công ty góp vốn thành lập công ty con là Công ty TNHH V-TRUCK và công ty liên kết là Công ty TNHH VECTOR AVIATION.
- Năm 2010, thực hiện chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước của Chính phủ, Công ty đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0300648264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 16/03/2010.
- Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, Công ty đã tham gia thành lập các công ty liên doanh với các đối tác nước ngoài: Công ty liên doanh KONOIKE VINA, Công ty liên doanh NISSIN LOGISTICS, Công ty liên doanh AGILITY, Công ty liên doanh HYUNDAI VINATRANS LOGISTICS, Công ty TNHH Logistics Sojitz Viet Nam.

- Năm 2012, công ty góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt (VIETWAY CO.)
- Ngày 04/09/2014, chính thức giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (VIN) trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Năm 2015, công ty tiến hành các thủ tục thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư tương ứng với 48 % vốn điều lệ của Công ty TNHH Logistics Sojitz Viet Nam cho Sojitz Logistics Corporation và chỉ còn nắm giữ 1 % vốn điều lệ.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

➤ Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động, dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
 - o Chi tiết: giao nhận vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu
 - o Giao nhận và vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng quá cảnh, hàng ngoại giao, hàng hội chợ triển lãm, thiết bị cho các cuộc biểu diễn văn hoá nghệ thuật, hàng công trình, hàng siêu trường siêu trọng, đồ dùng cá nhân, hàng biếu tặng, hàng mẫu, tài liệu chứng từ bằng đường hàng không, đường biển, đường sông, đường sắt, đường bộ trong và ngoài nước.
 - o Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước gom và chia lẻ hàng, quản lý container, đại lý cho các hãng giao nhận, đại lý cho các hãng chuyên phát nhanh, đại lý ký gửi hàng hóa, đại lý thủ tục hải quan, kiểm kiện, kiểm nghiệm, giám định, mua bảo hiểm hàng hóa theo đúng quy định của Nhà nước.
 - o Đại lý và tổng đại lý cho các hãng hàng không các dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách.
 - o Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước. Dịch vụ cung ứng tàu biển, tiếp nhận bảo quản hàng hóa máy móc và cung ứng mọi dịch vụ sửa chữa, thay thế máy móc, tàu biển, gửi trả lại hãng tàu những máy móc thiết bị hư để thay thế hoặc dư thừa theo yêu cầu của hãng tàu trong quy trình sửa chữa nâng cấp.
 - o Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu các loại hàng hoá.
 - o Kinh doanh dịch vụ logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
 - o Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
 - o (chi tiết: kinh doanh bất động sản)
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Thực hiện dịch vụ tư vấn về giao nhận vận tải, xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan, thông tin thị trường theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
 - o Chi tiết : tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
 - o Chi tiết : đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, cao ốc văn phòng, căn hộ chung cư, trung tâm thương mại, nhà hàng.
- Bốc xếp hàng hóa
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
- Vận tải hàng hóa đường sắt
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ

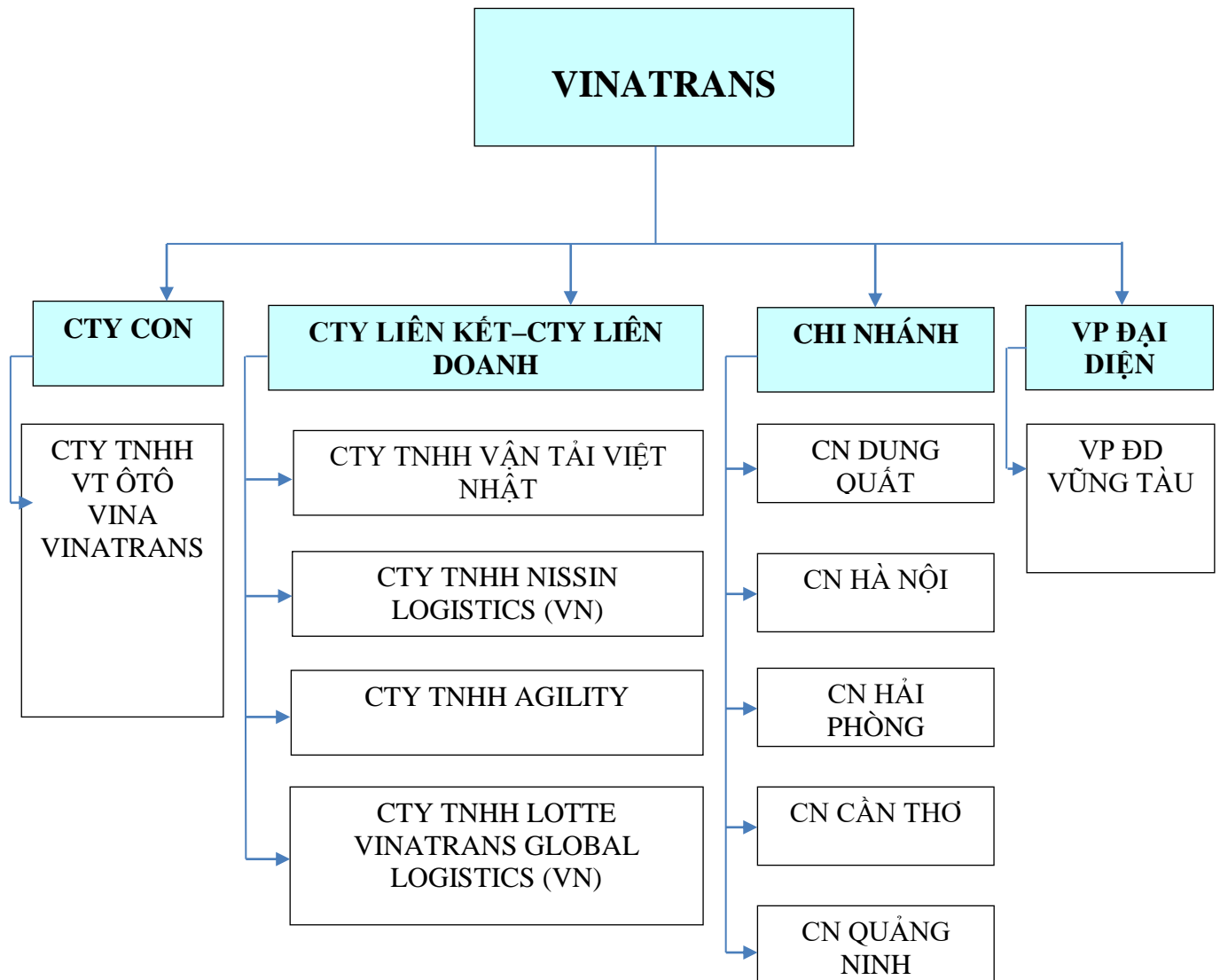
➤ Địa bàn kinh doanh chính hiện nay

Trong nước : TP HCM, Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ, Dung Quất

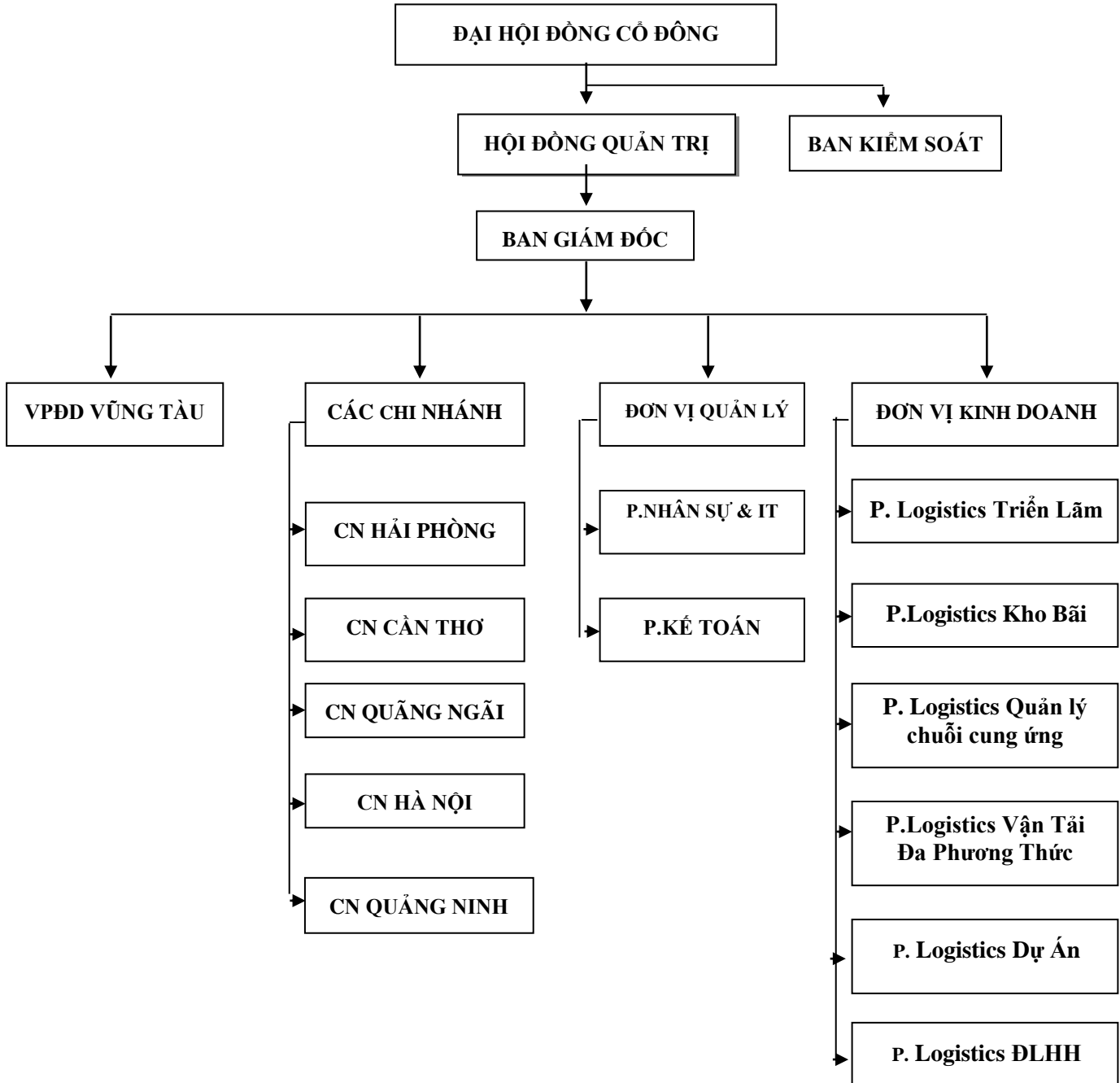
Quốc tế: tập trung thị trường Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ và các nước khác trên thế giới.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

➤ **Mô hình quản trị**



➤ Cơ cấu bộ máy quản lý



➤ Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con

- CT TNHH Vận tải Ô Tô Vina Vinatrans
Địa chỉ : 406 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP HCM
Tỷ lệ sở hữu : 92,51 %

Công ty liên doanh

- CT TNHH Vận tải Việt Nhật
Địa chỉ : 18A, Lư Trọng Lư, Quận 7, HCM
Tỷ lệ sở hữu : 21,70 %
- CT TNHH Nissin Logistics Việt Nam
Địa chỉ : 201, tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 1, Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội, VN
Tỷ lệ sở hữu : 29 %
- CT TNHH Agility
Địa chỉ : 364 Cộng Hòa, Phường 13 , quận Tân Bình, TP HCM (tòa nhà Etown)
Tỷ lệ sở hữu : 29 %
- CT TNHH Lotte Vinatrans Global Logictics (VN)
Địa chỉ : Số 170-170Bis-172E, đường Bùi Thị Xuân, Phạm Ngũ Lão, Quận 1, HCM
Tỷ lệ sở hữu : 49 %

5. Định hướng phát triển :

❖ Mục tiêu chính :

Khẳng định thương hiệu Vinatrans, là một trong những doanh nghiệp hàng đầu ngành logistics Việt Nam, phát triển vững mạnh và bền vững.

❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

Phát triển mảng dịch vụ logistics, đầu tư kho bãi.

❖ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty :

Bên cạnh công tác kinh doanh, doanh nghiệp cũng quan tâm đến lợi ích cộng đồng, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện.

Các hoạt động đoàn thể : Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên được duy trì theo nề nếp truyền thống của Công ty, hoàn thành được các nhiệm vụ chính trị, góp phần tích cực vào hoạt động kinh doanh của Công ty

6. Các rủi ro :

➤ Rủi ro về kinh tế vĩ mô :

- Phụ thuộc vào chu kỳ tăng trưởng kinh tế và các hoạt động kinh doanh xuất khẩu :

Sự tăng trưởng của nền kinh tế, nhất là tăng trưởng của hoạt động xuất nhập khẩu có tác động mạnh mẽ đến ngành giao nhận kho vận. Khi nền kinh tế suy thoái, sức mua của các thị trường bị giảm sút làm cho khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu giảm theo, từ đó giảm nhu cầu vận chuyển hàng hóa, giao nhận, lưu kho và các dịch vụ liên quan.

- Rủi ro về lãi suất, lạm phát, tỷ giá

Biến động về lãi suất ngân hàng, lạm phát và tỷ giá cũng có tác động nhất định đến khoản thu nhập từ đầu tư tài chính ngắn hạn và kết quả kinh doanh của công ty.

- Rủi ro kinh doanh :

Hoạt động logistics Việt Nam chưa thật sự có sự hợp tác liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trong ngành. Nguồn nhân lực cung cấp cho các doanh nghiệp trong ngành đang thiếu hụt. Mặt khác sức ép từ các doanh nghiệp logistics nước ngoài đang làm mức độ cạnh tranh trong ngành cao.

- Rủi ro về luật pháp:

- Hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay chưa thật sự hoàn chỉnh và khả năng thực thi chưa cao do đó tồn tại nhiều qui định phức tạp chồng chéo trong lĩnh vực hành chính, đặc biệt là trong lĩnh vực hải quan và các hoạt động liên quan đến xuất nhập khẩu. Điều này gây không ít trở ngại cho các doanh nghiệp giao nhận kho vận.

- Ngoài ra trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra những rào cản về pháp lý như luật chống phá giá, quy định về tên gọi hàng hóa... gây rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp trong nước trong vấn đề xuất khẩu, qua đó gây nên những rủi ro cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ giao nhận.

- Rủi ro khác :

- Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của công ty. Vì vậy công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, cũng như mua bảo hiểm về con người và hàng hóa.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019 :

1. Tình hình kinh doanh năm 2019:

Năm 2019, thị trường vận tải và logistics toàn cầu chịu tác động bởi các yếu tố chính gồm: những bước tiến lớn về công nghệ, biến động thương mại quốc tế, những xu hướng mới trong thương mại điện tử và các yêu cầu mới về bảo vệ môi trường, phòng chống biến đổi khí hậu trong logistics.

Xuất khẩu năm 2019 đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước; nhập khẩu đạt 253,5 tỷ USD, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước đã tác động tích cực đến hoạt động logistics.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải và logistisc, bao gồm cả những yếu tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, tạo ra các tác động tích cực lẫn tiêu cực. Trong đó, hai yếu tố được đánh giá có mức độ ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động của doanh nghiệp là chất lượng nguồn nhân lực, khả năng quản trị doanh nghiệp và giá dầu trên thế giới bất ổn, tăng cao.

Giá thuê đất đối với các cơ sở kinh doanh kho bãi và văn phòng của Công ty bị điều chỉnh tăng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Phòng Logistics Kho Bãi là phòng kinh doanh chủ lực của Công ty trong nhiều năm qua đang gặp nhiều khó khăn, sụt giảm sản lượng về nâng hạ container do những nguyên nhân khách quan như một số công ty kinh doanh container depo có yếu tố nước ngoài đã lôi kéo khách hàng bằng những chính sách chiết khấu rất cao mà Công ty không thể cạnh tranh được. Chênh lệch kinh doanh của phòng năm 2019 chỉ đạt 63% so với kế hoạch, 65 % so với năm trước, ảnh hưởng rất lớn đến kết quả chung của toàn Công ty.

Phòng Dự Án hiện cung cấp dịch vụ logistics cho 2 khách hàng lớn. Kết quả kinh doanh năm 2019 chỉ đạt 50% so với kế hoạch, 52% so với cùng kỳ năm trước, do việc triển khai dự án nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn chưa nhiều, tỷ suất lợi nhuận các lô hàng dự án không cao.

Các chi nhánh gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh, chủ yếu là thực hiện các dịch vụ nối dài từ Công ty, chưa chủ động trong kinh doanh.

Triển khai tốt dịch vụ Hãng tàu Rizhao Shipping Vietnam: tăng cường thêm nhân sự, phối hợp với principal trong việc tìm kiếm khách hàng cho hãng tàu mới. Công ty đã nỗ lực tốt nhất khi làm việc với Tân Cảng trong điều kiện cơ sở hạ tầng của Cảng đã kín chỗ để đưa tàu vào Cát Lái Port được 01 chuyến / tuần, đáp ứng yêu cầu của hãng tàu Rizhao, từ đó làm tăng uy tín của Vinatrans trong vai trò đại lý.

Một số phòng có kết quả kinh doanh tăng trưởng so với năm trước như Phòng Rickmers, Phòng Rizhao và đã xuất sắc hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2019 (Phòng Rizhao vượt 70% kế hoạch năm và tăng trưởng 92% so với năm trước)

Bộ phận sales hoạt động tích cực, đóng góp đáng kể vào nguồn thu của Công ty, đặc biệt bộ phận sales phòng Rizhao đã nỗ lực rất lớn trong việc phát triển thương hiệu Rizhao Shipping Lines; bộ phận sales Phòng SCM đã nỗ lực và nâng cấp chất lượng sales từ việc sales những khách hàng nhỏ, số lượng lô hàng ít đến việc tập trung phát triển khách hàng lớn, trong quý 2 và quý 3 vừa qua đã sales được 2 khách hàng lớn (số lượng trên 100 container/tháng).

Tiếp tục tiếp cận và thực hiện cung cấp dịch vụ logistics cho TCTy và các đơn vị trong hệ thống, năm 2019 thực hiện được 59 lô hàng với doanh thu đạt gần 4,7 tỷ.

Hoàn tất việc thoái vốn EIB theo kiến nghị của KTNN về kiểm toán BCTC 2017, thu được vốn và có lãi.

Kết quả kinh doanh năm 2019 (số liệu hợp nhất) :

- Tổng DT: 170,183 tỷ đồng, bằng 87 % năm trước
- Tổng LNTT: 43,447 tỷ đồng, bằng 72 % năm trước
- Tổng LNST: 38,767 tỷ đồng, bằng 69 % năm trước

Kết quả kinh doanh năm 2019 (số liệu riêng công ty):

- Tổng DT: 142,500 tỷ đồng, bằng 85 % năm trước
- Tổng LNTT: 28,140 tỷ đồng, bằng 87 % năm trước
- Tổng LNST: 24,010 tỷ đồng, bằng 84 % năm trước

2. Tổ chức và nhân sự :

- Cơ cấu tổ chức của công ty : Hiện tại công ty có
 - * Ban Giám Đốc : gồm Tổng Giám Đốc, 1 Phó Tổng Giám Đốc và kế toán trưởng.

<i>Họ và tên:</i>	TRƯƠNG MINH LONG – Tổng Giám Đốc
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	10/08/1969
<i>Nơi sinh:</i>	Hội An, Quảng Nam
<i>CMND:</i>	022248613, cấp ngày 02/06/2006 tại CA TP.HCM
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Hội An, Quảng Nam
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	407/10 Lê Văn Sỹ, P. 12, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	39414 919
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
+ 1993 đến nay công tác tại Công ty Vinatrans.	
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty</i>	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	<ul style="list-style-type: none"> + Thành viên HĐQT Công ty Vinalink + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vinafreight + Thành viên HĐQT Công ty Vinatrans Danang + Thành viên HĐQT Công ty TNHH DV Hàng không Vecto Quốc tế + Thành viên HĐQT Công ty Vietways + Thành viên HĐQT Công ty TNHH Nissin Logistics (VN) + Thành viên HĐQT Công ty liên doanh Lotte Vinatrans Logistics + Thành viên HĐQT Công ty liên doanh Konoike Vina + Chủ tịch HĐQT CT TNHH Vận tải Ô tô Vina Vinatrans
<i>Số cổ phần nắm giữ :</i>	4.811.740 cổ phần, chiếm 18,87 % vốn thực góp
<i>+ Đại diện sở hữu :</i>	4.806.740 cổ phần, chiếm 18,85% vốn thực góp
<i>+ Cá nhân sở hữu :</i>	5.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn thực góp
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không

<i>Họ và tên:</i>	Phạm Tú Anh – Phó Tổng Giám Đốc
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	13/11/1975
<i>Nơi sinh:</i>	Hà Nội
<i>CMND:</i>	022875620
<i>Quốc tịch:</i>	Việt nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Hà Nội
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	78 Nguyễn Thái Sơn, F3, Gò Vấp
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	0909557742

<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	MBA, MSc
Quá trình công tác	
+ 2006-nay: Trưởng phòng, Phó tổng giám đốc Cty Vinatrans. + 2003-2005: Học MBA tại Đan Mạch + 1999-2003: Nhân viên Cty Vinatrans + 1998-1999: Giảng viên khoa công trình-trường Đại học Hàng Hải-Phân hiệu phía Nam	
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh Hà Nội, Quảng Ngãi, Trưởng Đại diện VP Vũng Tàu
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số cổ phần nắm giữ :</i>	16.500
<i>+ Đại diện sở hữu :</i>	
<i>+ Cá nhân sở hữu :</i>	16.500 cổ phần, chiếm 0,065 % vốn thực góp
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không

<i>Họ và tên:</i>	CAO THỊ MỸ TRANG – Kế toán trưởng
<i>Giới tính:</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	17/11/1969
<i>Nơi sinh:</i>	Sài Gòn
<i>CMND:</i>	022181920, cấp ngày 04/03/2015 tại CA TP.HCM
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Hồ Chí Minh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	511/72A, Huỳnh Văn Bánh, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	39414 919
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12

<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân Kinh tế khoa Tài chính
Quá trình công tác	
+ 1993 đến nay công tác tại Công ty Vinatrans.	
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty</i>	Kế toán trưởng
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	+ Thành viên HĐQT Công ty liên doanh Lotte Vinatrans Logistics. + Thành viên HĐQT Công ty TNHH Agility
<i>Số cổ phần nắm giữ :</i>	2.500 cổ phần, chiếm 0,009% vốn thực góp
+ Đại diện sở hữu :	
+ Cá nhân sở hữu :	2.500 cổ phần, chiếm 0,009% vốn thực góp
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không

- Thay đổi nhân sự ban điều hành trong năm 2019 :

Từ 01/10/2019 : Ông Lương Ngọc Bảo, Phó Tổng Giám đốc Công ty nghỉ hưu theo chế độ.

- Số lượng người lao động trong công ty :

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số lao động của công ty là 205 người.

- Chính sách đối với người lao động :

- Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, yếu tố con người được công ty Vinatrans chú trọng đầu tư rất lớn.

- Năm 2019, Công ty tiếp tục đảm bảo việc làm thường xuyên, ổn định cho 100% lao động trong Công ty. Công ty đã tuyển dụng 36 nhân viên mới để đáp ứng nhu cầu công việc và bù đắp số lượng nhân viên nghỉ việc và nghỉ hưu. Các chế độ, chính sách đối với người lao động được thực hiện tốt.

- Các hoạt động đoàn thể Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên trong năm qua tiếp tục được duy trì theo truyền thống của Công ty, hoàn thành được các nhiệm vụ chính trị và góp phần tích cực vào hoạt động kinh doanh của Công ty. Một số phong trào văn thể mỹ được tổ chức và tham gia trong năm 2019: tổ chức nghỉ mát tập thể cho toàn Công ty nhân Ngày thành lập Công ty 14/7; tổ chức vui chơi cho các cháu thiếu nhi tại Khu vui chơi Phú Mỹ Hưng nhân Ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6; tổ chức Ngày

Hội Trăng Rằm cho các cháu thiếu nhi nhân dịp Tết Trung Thu; tham gia Ngày hiến máu nhân đạo với cụm các công ty trong hệ thống VNSTEEL tại TP Hồ Chí Minh; đóng góp Quỹ xã hội từ thiện, Quỹ phòng chống thiên tai tại địa phương TP.HCM; thăm và tặng quà Trại thương binh Long Đất nhân Ngày Thương binh liệt sĩ 27/7; đóng góp hỗ trợ các chương trình xã hội tại địa bàn phường 18, quận 4, TP.HCM.....

3. Tình hình đầu tư :

- Hoàn tất việc đầu tư mua 01 xe ô tô 07 chỗ phục vụ công tác kinh doanh theo kế hoạch được TCT duyệt là 1,1 tỷ, giá trị đầu tư thực tế là 1,06 tỷ.

- Ngoài ra, tuy không có kế hoạch đầu tư trong năm 2019 nhưng Công ty đã thực hiện khảo sát một số khu đất tại TP.Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Long An, Bình Dương để chuẩn bị cho kế hoạch đầu tư trung tâm phân phối hàng hóa - dịch vụ mà Công ty đánh giá sẽ phát triển mạnh trong thời gian tới.

4. Tình hình tài chính :

a. Tình hình tài chính : (Số liệu BCTC Hợp nhất)

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2018	% TĂNG GIẢM
1	Tổng giá trị tài sản	525.457.559.145	501.934.354.125	4,69%
2	Doanh thu thuần	170.182.970.258	193.669.531.345	-12,13%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	42.702.889.858	58.192.477.001	-26,62%
4	Lợi nhuận khác	744.352.592	1.488.997.679	-50,01%
5	Lợi nhuận trước thuế	43.447.242.450	59.681.474.680	-27,20%
6	Lợi nhuận sau thuế	38.767.311.978	55.553.855.801	-30,22%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	46,04 %	41,31%	4,73 %

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

c.

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
-----	--------------	----------	----------

1	<i>Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,356 lần	3,311 lần
	+ Hệ số thanh toán nhanh	2,352 lần	3,304 lần
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	18,78%	17,07%
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	23,12%	20,58%
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,32 vòng	0,39 vòng

5. Cơ cấu cổ đông :

➤ Cổ phần :

- Tổng số cổ phần phát hành : 25.500.000 cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành : 25.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần : cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng.

➤ Thống kê cổ đông (tính đến ngày 24/02/2020)

- Cổ đông trong nước :
Tổng số 261, sở hữu 99,88 % cổ phần công ty
 - Cá nhân : 258 cá nhân, sở hữu 4,06 % cổ phần công ty
 - Tổ chức : 03 tổ chức, sở hữu 95,82 % cổ phần công ty
- Cổ đông nước ngoài :
 - Cá nhân : 09 cá nhân, sở hữu 0,12 % cổ phần công ty
- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC :

1. Kết quả hoạt động trong năm :

➤ Theo số liệu BCTC hợp nhất:

Chỉ tiêu	2019	2018	Tăng /giảm (%)
Tổng tài sản	525.457.559.145	501.934.354.125	4,69%
Doanh thu thuần	170.182.970.258	193.669.531.345	-12,13%
Giá vốn hàng bán	152.568.575.801	177.528.838.646	-14,06%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	42.702.889.858	58.192.477.001	-26,62%
Lợi nhuận khác	744.352.592	1.488.997.679	-50,01%
Lợi nhuận trước thuế	43.447.242.450	59.681.474.680	-27,20%
Lợi nhuận sau thuế	38.767.311.978	55.553.855.801	-30,22%

➤ Theo số liệu BCTC riêng:

Chỉ tiêu	2019	2018	Tăng /giảm (%)
Tổng tài sản	383.611.925.989	370.502.547.439	8,89%
Doanh thu thuần	142.466.985.893	166.368.833.803	-9,27%
Giá vốn hàng bán	127.299.636.681	151.337.547.492	-9,24%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	27.462.011.486	31.335.998.076	-2,67%
Lợi nhuận khác	678.876.195	850.135.056	-13,65%
Lợi nhuận trước thuế	28.140.887.681	32.186.133.132	-3,07%
Lợi nhuận sau thuế	24.010.612.053	28.399.863.517	-2,49%

2. Tình hình tài chính :

➤ **Tình hình tài sản : (số liệu hợp nhất)**

Chỉ tiêu	2019	2018	Thay đổi (%)
Tài sản ngắn hạn	231.271.991.847	282.896.945.536	-18,25%
Tài sản dài hạn	294.185.567.298	219.037.408.589	34,31%
Tổng tài sản	525.457.559.145	501.934.354.125	4,69%

➤ **Tình hình nợ phải trả :**

Chỉ tiêu	2019	2018	Thay đổi
Nợ ngắn hạn	98.172.400.046	85.443.682.712	14,90%

Nợ dài hạn	483.899.600	233.899.600	106,88%
Nợ phải trả	98.656.299.646	85.677.582.312	15,15%

3. Kế hoạch kinh doanh 2020 :

3.1 Một số đặc điểm chính trong năm 2020 :

Theo nhận định của Chính phủ, năm 2020 GDP của Việt Nam sẽ tăng trưởng 6,8%, xuất nhập khẩu tăng trưởng 7%. Trên cơ sở đó, Công ty sẽ phấn đấu tăng trưởng kinh doanh dịch vụ logistics 10-15%.

Tuy nhiên, nguồn thu tài chính của Công ty sẽ bị giảm mạnh trong năm tới (bao gồm: giảm cổ tức từ các công ty con, công ty liên kết; giảm lãi tiền gửi ngân hàng và không còn nguồn thu tài chính từ việc thoái vốn đầu tư)

3.2 Một số công tác cụ thể sẽ được triển khai thực hiện trong năm 2020 :

Mặc dù hiện nay theo cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO, các hãng tàu và hãng giao nhận quốc tế mà Công ty đã từng làm đại lý đã tách ra hoạt động riêng lẻ nhưng Công ty VINATRANS vẫn có thể mạnh trong việc hợp tác với các forwarder nước ngoài (kể cả các forwarder có hoặc chưa có văn phòng tại Việt Nam). Do vậy, tập trung phát triển khách hàng là các hãng tàu và hãng giao nhận luôn sẽ là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng của Công ty.

Công ty sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp kinh doanh đã và đang triển khai có hiệu quả trong thời gian qua, thực hiện tốt việc cung cấp dịch vụ logistics cho các dự án lớn đã trúng thầu, tiếp tục tham gia đấu thầu các dự án lớn khác cho năm 2020 và các năm sau.

Duy trì tốt mối quan hệ với các khách hàng lớn và truyền thống của Công ty, luôn quan tâm chăm sóc và đảm bảo cung cấp dịch vụ logistics, dịch vụ lưu cước phù hợp nhất cho các khách hàng này.

Tăng cường nhân viên sales cho tất cả các đơn vị kinh doanh trong Công ty để tăng thêm số lượng khách hàng, kể cả những khách hàng có quy mô vừa và nhỏ nhằm đa dạng hóa mạng lưới khách hàng và tăng nguồn thu cho Công ty.

Bên cạnh đó, đội ngũ sales chuyên nghiệp và cán bộ lãnh đạo cấp phòng trở lên sẽ tăng cường phát triển mạng lưới khách hàng lớn nhằm tạo công việc và nguồn thu ổn định cho hoạt động của các phòng ban nói riêng và của Công ty nói chung. Thực tế kinh doanh của Công ty cho thấy 80%-85% khối lượng công việc và nguồn thu của Công ty chủ yếu từ 15%-20% khách hàng chủ lực. Do vậy, trong thời gian sắp tới, Công ty sẽ tăng cường nhân sự sales chuyên nghiệp và nhân sự cấp trưởng phó phòng thông qua các công ty head hunter.

Tiếp tục tiếp cận các đơn vị trong hệ thống VNSTEEL để giới thiệu dịch vụ logistics và các giải pháp giao nhận vận chuyển tối ưu với mục đích tối đa hóa lợi ích của các thành viên trong hệ thống trên cơ sở các bên cùng có lợi.

Tiếp tục hợp tác tốt với Công ty Sojitz Logistics với vai trò nhà thầu phụ cho các dự án tại Khu công nghiệp Long Đức và các địa bàn khác.

Do kết quả kinh doanh năm 2019 của một số công ty liên kết không tốt, dự kiến nguồn thu cổ tức từ các công ty liên kết trong năm 2020 sẽ bị giảm mạnh, lãi tiền gửi ngân hàng giảm và không còn khoản lãi từ việc thoái vốn đầu tư, tổng khoản thu tài chính giảm khoảng 3,6 tỷ đồng, Công ty sẽ phần đầu tiết kiệm chi phí và tăng trưởng kinh doanh 15% tương đương tăng khoảng 5 tỷ đồng để bù lại phần sụt giảm nguồn thu tài chính trên và đạt tăng trưởng chung 5% so với năm trước, do vậy lợi nhuận trước thuế năm 2020 dự kiến đạt 29,750 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 25,250 tỷ đồng..

3.3 Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh :

Căn cứ đặc điểm tình hình và các phương hướng kinh doanh dự kiến đã nêu trên, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh trong năm 2020 như sau (số liệu riêng cho công ty):

- Tổng lợi nhuận trước thuế : 29,750 tỷ đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế : 25,250 tỷ đồng

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ :

1. Kết quả kinh doanh năm 2019 (số liệu riêng công ty):

- Tổng LNTT: 28,140 tỷ đồng, bằng 102,3 % KH năm
- Tổng LNST: 24,010 tỷ đồng, bằng 104,4% KH năm
- Cổ tức: 700 đồng/cổ phần, bằng 100 % KH năm.

2. Hoạt động của HĐQT :

- Trong năm 2019 Hội đồng quản trị Công ty đã hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo sát sao, kịp thời.

- Hội đồng quản trị tổ chức quản lý và thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong kinh doanh; tổ chức công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công ty đại chúng; tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông

- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Ban Giám đốc.

3. Hoạt động giám sát Ban Giám đốc của HĐQT:

- Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

- Năm 2019, Ban giám đốc đã tuân thủ đúng định hướng của Hội đồng quản trị đã đề ra, thể hiện trách nhiệm cao, năng động và đoàn kết vượt qua những khó khăn, tận dụng hiệu quả được những thuận lợi và các nguồn lực để thực hiện thành công việc vượt mức kế hoạch lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao sự nỗ lực của Tổng giám đốc và Ban điều

hành trong việc đạt được kế hoạch năm 2019 đề ra và biểu dương kết quả đạt được của Ban Tổng giám đốc và tập thể người lao động Công ty trong năm 2019.

4. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường việc hoạch định chiến lược kinh doanh hàng năm, đưa ra các quyết định, chỉ đạo sát sao và kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững cho Công ty.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, tránh chồng chéo chức năng nhiệm vụ của ban điều hành.
- Tăng cường nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính Công ty an toàn, hiệu quả.
- Chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng các quy định hiện hành.
- Quyết định gia hạn các liên doanh hoạt động hiệu quả, thoái vốn tại các liên doanh, liên kết hoạt động không hiệu quả, không góp phần tích cực vào hiệu quả chung của Công ty.
- Nghiên cứu đầu tư thêm cơ sở vật chất, phương tiện kinh doanh, nhất là đầu tư xây dựng hệ thống phân phối hàng hóa khi có điều kiện thuận lợi về đối tác và khách hàng.
- Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tạo nguồn thu mới, đặc biệt là khai thác nguồn lực các đơn vị thành viên trong hệ thống Tổng Công ty Thép Việt Nam.
- Tìm kiếm, hợp tác khai thác các cơ hội kinh doanh khác khi có điều kiện phù hợp với quy định của pháp luật.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị :

➤ Danh sách Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 05 người

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của các thành viên HĐQT, BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ đại diện sở hữu) / VĐL tại 31.12.2019
1	Vũ Duy Huynh	Chủ tịch HĐQT	20 %
2	Trương Minh Long	Thành viên HĐQT	18,85 %
3	Hoàng Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT	18,82 %
4	Vương Duy Khánh	Thành viên HĐQT	18,85 %
5	Lê Thị Thúy Hằng	Thành viên HĐQT	18,85 %

➤ **Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2019, HĐQT đã thực hiện 11 cuộc họp, trong đó có 4 cuộc họp tập trung và 07 cuộc họp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

➤ **Các nghị quyết của Hội đồng quản trị**

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	NGÀY	NỘI DUNG
1	03/2019/HĐQT-VIN	23/01/2019	NQ HĐQT - chốt ngày ĐKCC họp ĐHĐCĐ 2019
2	25/2019/NQ-VIN	28/03/2019	Nghị quyết họp ĐHĐCĐ 2019

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	NGÀY	NỘI DUNG
3	33/2019/VIN	10/05/2019	QĐ HĐQT vv thanh lý xe
4	34/2019/NQ-VIN	10/05/2019	NQ HĐQT v/v Chia cổ tức 2018
5	45/2018/VIN	06/06/2018	CBTT lựa chọn công ty kiểm toán năm 2018
6	37/2019/VIN	20/05/2019	QĐ HĐQT ban hành quy chế quản lý người đại diện vốn
7	40/2019/QĐ-VIN	27/06/2019	QĐ HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2019
8	69/2019/QĐ-VIN	02/12/2019	QĐ HĐQT về việc ban hành quy chế tài chính

➤ **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** không có

2. Ban kiểm soát :

➤ **Danh sách Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ/ VĐL tại 31.12.2019
1	Vũ Thị Bình Nguyên	Trưởng BKS	0,02 %
2	Văn Thị Thu Hương	Thành viên BKS	0,01 %
3	Phạm Thị Thanh Bình	Thành viên BKS	

➤ **Hoạt động của Ban kiểm soát**

- Trong năm Ban Kiểm Soát đã thực hiện báo cáo kiểm soát hàng quý theo đúng quy định của Điều lệ Công Ty, đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh trong quý, kịp thời phản ánh, ghi nhận hoạt động của Công ty để báo cáo cho Hội Đồng Quản trị họp hàng quý.

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2019.

- Trong năm, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp hàng quý và thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để triển khai nghị quyết của đại hội cổ đông; thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công Ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

- HĐQT, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác đã cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi. Các thành viên BKS tham dự các họp giao ban, Trưởng ban tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT.

3. Giao dịch, thù lao, lợi ích khác

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : không có.
- Thù lao của HĐQT và ban kiểm soát trong năm 2019 : 240.000.000 đồng.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH :

(Xem trang sau)

(Toàn văn báo cáo tài chính kiểm toán 2019 được đăng tải trên website của công ty : www.vinatrans.com)



Số: 240220.002/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam được lập ngày 24/02/2020, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết: Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật, Công ty TNHH Nissin Logistics (Việt Nam), Công ty TNHH Lotte Vinatrans Global Logistics (Việt Nam), Công ty TNHH Agility được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này theo phương pháp vốn chủ sở hữu là các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 chưa được kiểm toán (Xem thuyết minh số 2.3).

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2290-2018-002-1

Y
DUHA
TOI
SC
1-TP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		231.271.991.847	282.896.945.536
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	34.155.118.476	53.305.194.688
111	1. Tiền		22.155.118.476	46.305.194.688
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.000.000.000	7.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	129.560.000.000	161.260.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		129.560.000.000	161.260.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		67.159.178.557	67.730.703.836
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	28.004.766.234	28.587.988.085
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		32.024.190	52.363.291
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	40.075.766.373	39.778.829.460
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(953.378.240)	(688.477.000)
140	IV. Hàng tồn kho	8	364.286.512	567.046.485
141	1. Hàng tồn kho		364.286.512	567.046.485
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		33.408.302	34.000.527
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		33.408.302	34.000.527

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	(đã điều chỉnh) VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		294.185.567.298	219.037.408.589
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		375.000.000	375.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	375.000.000	375.000.000
220	II. Tài sản cố định		21.773.608.827	23.799.839.727
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	12.100.764.344	14.101.385.420
222	- Nguyên giá		45.591.635.578	45.507.237.116
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.490.871.234)	(31.405.851.696)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	9.672.844.483	9.698.454.307
228	- Nguyên giá		9.911.978.000	9.911.978.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(239.133.517)	(213.523.693)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	271.854.199.579	194.372.756.113
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		166.015.489.621	152.798.716.605
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		34.838.709.958	36.888.434.258
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(314.394.750)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		71.000.000.000	5.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		182.758.892	489.812.749
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	182.758.892	489.812.749
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		525.457.559.145	501.934.354.125

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		98.656.299.646	85.677.582.312
310	I. Nợ ngắn hạn		98.172.400.046	85.443.682.712
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	13.609.221.781	15.751.717.476
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	10.022.210.048	4.748.985.943
314	3. Phải trả người lao động		16.837.889.724	15.805.527.238
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		266.839.560	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	54.775.766.349	40.489.974.125
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.660.472.584	8.647.477.930
330	II. Nợ dài hạn		483.899.600	233.899.600
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	483.899.600	233.899.600
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		426.801.259.499	416.256.771.813
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	426.801.259.499	416.256.771.813
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		255.000.000.000	255.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		255.000.000.000	255.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		136.193.960	136.193.960
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		169.781.018.807	159.361.139.614
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		131.013.706.829	103.807.283.813
421b	LNST chưa phân phối năm nay		38.767.311.978	55.553.855.801
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.884.046.732	1.759.438.239
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		525.457.559.145	501.934.354.125

Nguyễn Thị Tú Trinh
Người lập biểu

Cao Thị Mỹ Trang
Kế toán trưởng


Trương Minh Long
Tổng Giám đốc


Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	170.182.970.258	193.669.531.345
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		170.182.970.258	193.669.531.345
11	3. Giá vốn hàng bán	18	152.568.575.801	177.528.838.646
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.614.394.457	16.140.692.699
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	19	27.490.937.289	30.481.657.362
22	6. Chi phí tài chính	20	(177.132.480)	(170.457.388)
24	7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		13.216.773.016	26.236.512.294
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	15.796.347.384	14.836.842.742
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		42.702.889.858	58.192.477.001
31	10. Thu nhập khác	22	761.042.151	1.618.442.429
32	11. Chi phí khác		16.689.559	129.444.750
40	12. Lợi nhuận khác		744.352.592	1.488.997.679
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.447.242.450	59.681.474.680
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	4.555.321.979	4.052.641.466
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>38.891.920.471</u>	<u>55.628.833.214</u>
61	16. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		38.767.311.978	55.553.855.801
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		124.608.493	74.977.413
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	1.520	2.179


Nguyễn Thị Tú Trinh
Người lập biểu


Cao Thị Mỹ Trang
Kế toán trưởng




Trương Minh Long
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		43.447.242.450	59.681.474.680
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(38.356.491.780)	(54.297.003.636)
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		2.971.898.495	3.152.284.985
03	- Các khoản dự phòng		(49.493.510)	(172.915.400)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		50.878.176	(530.654.410)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(41.329.774.941)	(56.745.718.811)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.090.750.670	5.384.471.044
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		721.893.787	(10.324.060.926)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		202.759.973	191.045.938
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải)		13.680.468.844	25.314.422.155
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		307.053.857	322.868.943
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.433.827.242)	(3.275.629.094)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	241.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.227.065.171)	(5.467.433.017)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.342.034.718	12.386.685.043
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(974.442.182)	(108.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		736.050.910	773.454.546
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(74.700.000.000)	(79.100.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		40.400.000.000	68.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(6.080.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.145.853.908	6.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		26.894.918.471	26.610.312.165
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.497.618.893)	16.095.766.711
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.941.630.000)	(23.064.960.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(22.941.630.000)	(23.064.960.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(19.097.214.175)	5.417.491.754
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		53.305.194.688	47.340.607.350
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(52.862.037)	547.095.584
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>34.155.118.476</u>	<u>53.305.194.688</u>


Nguyễn Thị Tú Trinh
Người lập biểu


Cao Thị Mỹ Trang
Kế toán trưởng



Trương Minh Long
Tổng Giám đốc
Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2020

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Minh Long